

Số: 45 /2022/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính
và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP

ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại các Văn bản: số 78/TTr-STP ngày 31/3/2022, số 515/STP-XDKT&TDTHPL ngày 13/6/2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 77/BC-STP ngày 31/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2022 và thay thế các Quyết định của UBND tỉnh: số 20/2016/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 15/2020/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- TAND tỉnh, Viện KSND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PT và TH tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh;
- Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, NC₃.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Võ Trọng Hải

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác xử lý vi phạm hành chính và
theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**
(Kèm theo Quyết định số: 15 /2022/QĐ-UBND ngày 23 / 6 /2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, hình thức, nội dung, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành cấp tỉnh).
2. UBND các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện).
3. UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã).
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên, đồng bộ nhằm thực hiện tốt công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
3. Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân theo quy định; đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động riêng của từng cơ quan, đơn vị, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, kịp thời phát hiện những quy định không còn phù hợp, từ đó kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và theo nội dung tại Quy chế này.

2. Tổ chức họp liên ngành.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.

4. Thành lập, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

5. Tham gia triển khai các biện pháp thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

6. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Mục 1

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM CHUNG

Điều 5. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện thường xuyên rà soát, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật, gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp.

2. Sở Tư pháp tổng hợp kiến nghị, phản ánh của các cơ đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan về những vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; đề xuất, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 6. Ban hành kế hoạch

1. Hằng năm, căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành, thực tiễn công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch của tỉnh trước ngày 30/01 của năm kế hoạch, gửi Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

2. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND tỉnh và thực tiễn công tác xử lý vi phạm

hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Kế hoạch, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện ban hành Kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị, địa phương và gửi về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

3. Trên cơ sở Kế hoạch của UBND cấp huyện, UBND cấp xã ban hành Kế hoạch của địa phương mình theo thời hạn quy định tại Kế hoạch của UBND cấp huyện, gửi về UBND cấp huyện (qua phòng Tư pháp) để theo dõi, tổng hợp.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương không có nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong năm thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của đơn vị mình để chủ động lựa chọn lĩnh vực chuyên ngành đưa vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 7. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật:

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Xử lý vi phạm hành chính, các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý; Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản liên quan đến các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

2. Công tác hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ:

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn, tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác tham mưu về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Điều 8. Kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để thực hiện việc kiểm tra về công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Về căn cứ, nội dung, phương thức, đối tượng, thẩm quyền kiểm tra thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP; Điều 12 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP; Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức

kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của đoàn kiểm tra; cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan trung thực, kịp thời; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, tính xác thực của tài liệu cung cấp; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra; tạo điều kiện thuận lợi để đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Đối với công tác xử lý vi phạm hành chính

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý về Sở Tư pháp như sau:

a) Báo cáo tháng gửi trước ngày 20 hàng tháng (thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo).

b) Báo cáo năm thực hiện theo quy định của Chính phủ và Bộ Tư pháp.

c) Đề cương báo cáo và biểu mẫu thống kê về công tác xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Đối với công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện định kỳ hàng năm báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Tư pháp trước ngày 02/12 hàng năm (thời gian chốt số liệu tính từ ngày 01/12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30/11 của kỳ báo cáo).

b) Đề cương báo cáo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

3. Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện báo cáo chuyên đề, đột xuất theo yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh và khi có đề nghị của Sở Tư pháp.

Mục 2

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 10. Thực hiện giải quyết, xử lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính

1. Trách nhiệm của người có thẩm quyền thụ lý vụ việc vi phạm hành chính:

a) Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu, giải quyết, xử lý theo thẩm quyền các vụ việc vi phạm hành chính

được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản vi phạm hành chính thì biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan phải được chuyển kịp thời, đúng thời hạn cho người có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

c) Phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của cá nhân, tổ chức bị xử phạt theo quy định.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:

a) Soát xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo đúng quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho việc tổ chức giải trình (nếu có) theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

2. Các tổ chức, cá nhân liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc cơ quan được giao chủ trì tổ chức cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện quyết định cưỡng chế.

3. Chủ tịch UBND cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thi hành quyết định cưỡng chế trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

4. Các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mở tài khoản có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

5. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thực hiện theo quy

định tại Chương II Nghị định số 166/2013/NĐ-CP.

Điều 12. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp.

2. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin, kết quả xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý đến hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 13. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính

Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về thống kê và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Điều 14. Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác xử lý vi phạm hành chính

1. Công tác thanh tra

a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm thường xuyên thanh tra và kịp thời xử lý đối với vi phạm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình.

b) Khi có kiến nghị của Sở Tư pháp hoặc kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên địa bàn theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính thì cơ quan quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực có kiến nghị, phản ánh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND cùng cấp tổ chức thanh tra theo quy định.

2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các quy định khác của pháp luật.

Mục 3

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 15. Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật bao gồm những thông tin có nội dung được quy định tại Điều 7, 8, 9, 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Điều 16. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Căn cứ, nội dung, phương thức, đối tượng điều tra, khảo sát theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

Điều 17. Xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

Trên cơ sở kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật và các nguồn thông tin khác, chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật tại các đơn vị, địa phương và tổng hợp vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm;

Tham mưu UBND tỉnh tiến hành các hoạt động xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 59/2012/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tư pháp:

a) Là cơ quan đầu mối trực tiếp tham mưu giúp UBND tỉnh trong công tác quản lý về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp liên ngành trong công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

c) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) tổng hợp kết quả công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

d) Phối hợp với các Sở: Nội vụ, Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn nhân lực, kinh phí để triển khai thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

đ) Kịp thời báo cáo UBND tỉnh những cơ quan, đơn vị, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo vị trí việc làm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh phương án kinh phí cho công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

4. Công an tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định pháp luật và kế hoạch của UBND tỉnh.

b) Phối hợp trong công tác cưỡng chế khi có đề nghị của người có thẩm quyền ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

a) Chủ động thực hiện nhiệm vụ về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định pháp luật và Quy chế này.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các thành viên:

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và người dân. Cung cấp thông tin, kiến nghị của người dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật của tổ

chức mình.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh tuyên truyền, phổ biến nội dung của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và người dân.

7. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh:

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chỉ đạo thực hiện các nội dung liên quan quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và các quy định có liên quan.

b) Chỉ đạo các đơn vị trong ngành thực hiện việc cập nhật thông tin và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ các nội dung được tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

c) Tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật cho cán bộ thuộc phạm vi quản lý, nhất là cán bộ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc có thẩm quyền xem xét, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính để bảo đảm việc chấp hành và áp dụng đúng pháp luật.

d) Cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động xét xử.

đ) Phối hợp thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này.

8. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh:

a) Cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

b) Phối hợp thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này.

9. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh:

a) Kịp thời đưa tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật bằng các hình thức phù hợp nhằm giúp các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật;

b) Cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật.

10. Kho bạc Nhà nước, các Tổ chức tín dụng:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 4 Điều 11 Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các quy định về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

11. Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh:

Cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

12. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Hằng năm ban hành kế hoạch về công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật và tổ chức triển khai tại địa phương.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định pháp luật và kế hoạch của UBND tỉnh.

c) Bố trí nguồn nhân lực, kinh phí để triển khai thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương.

Điều 19. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm phổ biến các nội dung của Quy chế này đến cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị mình và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, trường hợp có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tư pháp để được hướng dẫn, giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định./.

